

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28 /CT-BCTN

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2
NĂM 2021**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Sông Đà 2**
- Tên tiếng Anh: **Song Da 2 Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Song Da 2 JSC**
- Số giấy chứng nhận ĐKKD: **0500236821**
- Vốn điều lệ: **144.235.360.000 đồng**
- Địa chỉ: **Km10, Đ. Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội**
- Điện thoại : **024 33 510 542** Fax: **024 33 828 255**
- Website: **songda2.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **SD2**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Sông Đà 2 tiền thân là Công ty xây dựng dân dụng thuộc Tổng công ty xây dựng thủy điện Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà - CTCP), được thành lập ngày 01/02/1980 có nhiệm vụ xây dựng nhà ở cho cán bộ chuyên gia Liên Xô, CBCNV Việt Nam trên công trường Thủy điện Hòa Bình và hoàn thiện toàn bộ phần Nhà máy thủy điện Hoà Bình. Sau đó Công ty được đổi tên là Công ty xây dựng Sông Đà 2 rồi Công ty Sông Đà 2. Theo Quyết định số 2334/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- Công ty cổ phần Sông Đà 2 chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/3/2006 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0500236821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp; thay đổi lần thứ 11 ngày 9/5/2017.
- Ngày 30/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SD2 theo Quyết định số 360/QĐ-TTGDCKHN của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội).
- Ngày 06/10/2008, Công ty phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược và các nhà đầu tư nhỏ lẻ để tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 48,54 tỷ đồng.
- Ngày 22/10/2008, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 09/3/2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 48,54 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 26/3/2010, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 19/11/2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 30/12/2010, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 15/12/2014, Công ty phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà vào Công ty cổ phần Sông Đà 2, tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 144,235 tỷ đồng.
- Ngày 15/01/2015, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2.2. Các sự kiện khác:

- Trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần Sông Đà 2 đã tham gia xây dựng nhiều công trình lớn như: Nhà máy thủy điện Hòa bình, Thủy điện Yaly, Thủy điện Sê San 3, Thủy điện Tuyên Quang, Thủy điện Sơn La, Thủy điện Bản Vẽ, Đường dây 500KV, Đường Láng - Hòa Lạc, Quốc lộ 1A đoạn Hà Nội - Bắc Ninh, Nhà khách dân tộc, Học viện Bưu chính Viễn thông, Đại học quốc gia, Dự án Khu đô thị Orange Garden, Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Phú Yên, Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, công trình đường Tiên Thịnh Nam Định, Biệt thự Nam An Khánh, Dự án KĐT mới Dương Nội, Nhà liền kề 90 Nguyễn Tuân, công trình cải tạo cấp tuyến Sapa - Tả Phìn - Bản Khoang, DA khu liên hợp thép Hòa Phát - Dung Quất, CT thủy điện Nậm Pạc...
- Trong lĩnh vực đầu tư, Công ty cổ phần Sông Đà 2 đã được các cơ quan Nhà nước tin tưởng giao cho làm Chủ đầu tư một số dự án có tiềm năng đã được Công ty triển khai thực hiện hoàn thành và đang thực hiện đã và sẽ mang lại hiệu quả cao như: Khu nhà ở Vạn Phúc - Hà Đông; Khu đô thị Hồ Xương Rồng - TP Thái Nguyên; Khu nhà ở liền kề Phường Hữu Nghị - TP Hòa Bình; Khu đô thị mới Phú Lương - Hà Đông,...
- Hiện nay Công ty có trên 74 đầu xe máy thiết bị với nguyên giá trên 99 tỷ đồng, các máy móc thiết bị của Công ty đang được sử dụng hiệu quả tại các công trình như: Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng, CT Khu đô thị Dương Nội, CT Bảo Ninh 1, ...
- Công ty hiện có lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề trên 296 người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm và luôn đoàn kết, gắn bó trong quá trình triển khai nhiệm vụ.
- Với những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã được Đảng, Nhà nước và các Bộ, Ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như:
 - + 01 Huân chương độc lập hạng 2.
 - + 01 Huân chương độc lập hạng 3.
 - + 01 Huân chương lao động hạng nhất.
 - + 02 Huân chương lao động hạng 2.
 - + 04 Huân chương lao động hạng 3.
 - + 30 Huy chương vàng công trình xây dựng đạt chất lượng cao.
 - + Nhiều Bằng khen của Chính phủ.

+ Cờdon vị xuất sắc Ngành Xây dựng các năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2013, 2015 và nhiều bằng khen của Bộ Xây dựng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty:

3.1. Ngành Nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình thủy điện;
- Xây dựng Công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng đô thị; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế điện;
- Xây dựng các Công trình giao thông: cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi: Đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;
- Nạo vét và bồi đắp mặt bằng nền Công trình, thi công các loại móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Thi công cọc khoan nhồi, đóng ép cọc;
- Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, đường dây và trạm biến áp điện, kết cấu và các kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và Công nghiệp xây dựng;
- Thiết kế, trang trí nội thất;
- Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh nhà, Đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Đầu tư xây dựng, kinh doanh công trình thủy điện, nhiệt điện.

3.2. Địa bàn kinh doanh: Trong những năm gần đây Công ty đang tập trung thi công tại các địa bàn chính như:

- Khu vực Hà nội và các vùng lân cận như: Thái Nguyên, Quảng Ninh, ..
- Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên như: Nghệ An, Quang Ngãi, ...
- Tại Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào: Sản xuất kinh doanh đá và cát xây xây dựng tại Công trình Thủy điện Xekaman1,...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị:

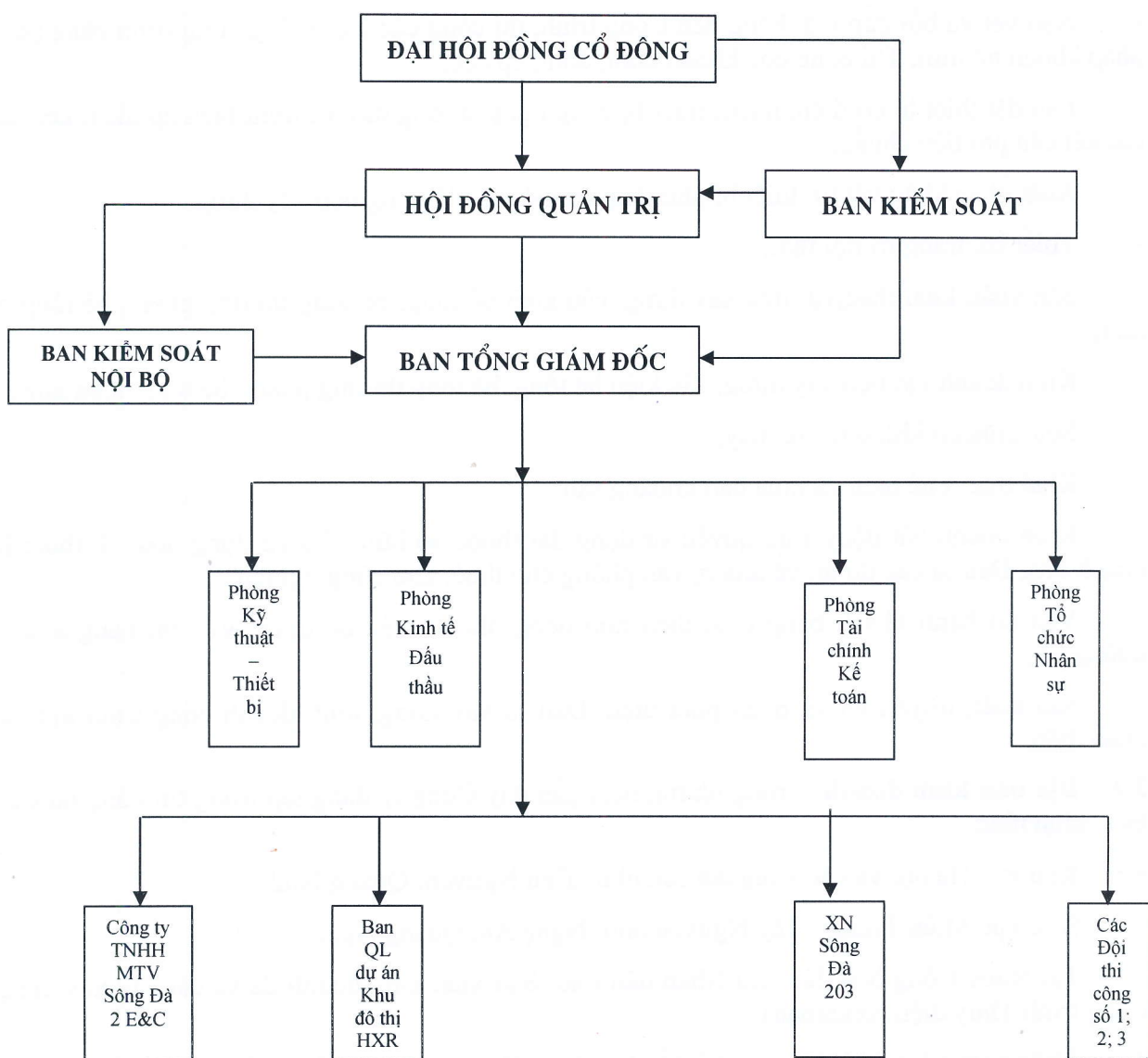
4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy của Công ty cổ phần Sông Đà 2: (Thời điểm ngày 31/12/2021).

- Hội đồng quản trị Công ty: 05 thành viên.
- Ban kiểm soát Công ty: 03 thành viên.
- Ban Tổng giám đốc Công ty: Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.

- 05 Phòng ban Công ty: Phòng Tổ chức Nhân sự; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kinh tế Đầu thầu; Phòng Kỹ thuật – Thiết bị, Ban kiểm soát nội bộ.
- 01 Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Sông Đà 2.03
- 01 Ban quản lý: Ban quản lý Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng - Thái Nguyên.
- Một số đội trực thuộc Công ty

4.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty (Thời điểm 31/12/2021):

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C

- Địa chỉ: Km 10 đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 85887906 Fax: 024 33560838

- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 02/4/2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/7/2010 theo mã số doanh nghiệp số 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 23/01/2015 chuyển đổi từ Công ty cổ phần Công trình giao thông Sông Đà, thay đổi lần thứ 9 ngày 02/03/2017, thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 09 năm 2018 chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV công trình giao thông Sông Đà thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C.

- Ngành nghề hoạt động: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ; Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất tấm lợp, sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Nạo vét và bồi đắp mặt đường nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất bê tông nhựa nóng; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Thiết kế, trang trí nội thất; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng).

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty và chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư bất động sản, khu công nghiệp và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, xây dựng dân dụng - công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

- Hoạt động hiệu quả về tài chính: Luôn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận thực dương và tăng trưởng dần đều, lành mạnh về tài chính.

- Thu hút và phát triển nhân lực chất lượng cao: Để đạt được những mục tiêu đề ra phụ thuộc vào việc thu hút được đội ngũ nhân sự mạnh và có năng lực tại tất cả các cấp bậc trong Công ty, từ cấp quản trị điều hành cao nhất có vai trò lãnh đạo các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cho đến đội ngũ lãnh đạo nghiệp vụ và nhân sự phụ trách việc quản lý các nghiệp vụ và chức năng then chốt, cho tới các lãnh đạo cấp trung và nhân viên có trách nhiệm triển khai kế hoạch chiến lược và vận hành trong điều kiện cạnh tranh khắc nghiệt; Cũng như một đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, bậc cao thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

- Xây dựng mô hình quản trị theo hướng hiện đại: Thông qua mô hình quản trị hiện đại đang được áp dụng tại các Công ty lớn trong nước và quốc tế, Công ty sẽ tìm hiểu, nghiên cứu, học hỏi và từng bước áp dụng tại Công ty bao gồm: Cơ cấu tổ chức; Mô hình hoạt động; Các quy trình quản lý.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021:

Thực hiện Nghị quyết số 77/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, hoạt động SXKD của Công ty CP Sông Đà 2 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế trong nước đã phát triển ổn định, ngành xây dựng đang trong quá trình phục hồi và phát triển.

Tuy nhiên, thị trường xây dựng vẫn rất khó khăn do cạnh tranh gay gắt trong tìm kiếm việc làm, công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn những năm trước; Ảnh hưởng bởi đại dịch Covid 19, thị trường việc làm trong lĩnh vực giao thông không nhiều do trong năm 2021 gần như không có dự án giao thông lớn nào khởi công. Bên cạnh đó là năng suất lao động, nguồn nhân lực còn hạn chế, nguồn vốn đầu tư cho các dự án và nền kinh tế hạn hẹp đang là những rào cản lớn cho sự phát triển của các Công ty.

Đứng trước những khó khăn đó, Công ty đã nỗ lực, cố gắng khắc phục bằng nhiều giải pháp phù hợp, kịp thời như: tăng cường công tác chỉ đạo lãnh đạo tại các công trình trọng điểm, huy động thêm các nguồn vốn ưu đãi với lãi suất thấp, tăng cường tiếp thị tìm kiếm việc làm theo ngành nghề chính, tiết kiệm chi phí quản lý, tăng cường công tác kiểm tra giám sát nội bộ... Với các giải pháp và chỉ đạo kịp thời, nên trong năm 2021 Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế do đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty thực hiện trong năm 2021: (Số liệu hợp nhất)

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021 (10 ⁶ đ)	Thực hiện năm 2021(10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành
1	Giá trị SXKD	393.000	282.900	71%
2	Doanh thu	416.000	220.723	53%
3	Thực hiện đầu tư	85.000	52.400	61%
4	Lợi nhuận trước thuế	14.300	16.028	112%
5	Nộp Ngân sách nhà nước	57.900	37.769	65%
6	Thu nhập bq/CBCNV /tháng (đồng)	7.060.000	7.710.000	109%

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách ban điều hành Công ty (đến thời điểm 31/12/2021):

a. Danh sách Ban điều hành Công ty bao gồm:

- Ông: Hoàng Văn Sơn :Tổng giám đốc Công ty.
- Ông: Nguyễn Duy Hương :Phó Tổng giám đốc.
- Ông: Lê Văn Toàn :Phó Tổng giám đốc.
- Ông: Lê Hoàng Minh :Kế toán trưởng.

b. Tóm tắt lý lịch:

b.1. Ông Hoàng Văn Sơn – Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính :Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/5/1973
- Số CMND :038073002953, cấp ngày 21/02/2017, tại Hà Nội.

- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc :Kinh
- Quê quán :Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú :Tổ 26, Cụm 5 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc :0904743599
- Trình độ văn hoá :12/12
- Trình độ chuyên môn :Kỹ sư Xây dựng.
- **Quá trình công tác:**
- + 4/1999 – 8/2002 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Sông Đà 15, Công ty Sông Đà 9.
- + 8/2002 – 7/2003 : Phó trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty Sông Đà 9.
- + 7/2003 – 12/2006 : Trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, XN Sông Đà 905 – Công ty cổ phần Sông Đà 9.
- + 12/2006 – 11/2007 : Phó Phòng Quản lý kỹ thuật – Thi công, Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- + 11/2007 – 8/2010 : Trưởng Phòng Đầu tư, Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- + 8/2010 – 3/2013 : Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, Công ty Cổ phần Sông Đà 2
- + 3/2013 – 4/2016 : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2; Giám đốc Ban QLDA khu đô thị hồ Xương Rồng.
- + 4/2016 đến 04/2017 : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2; Giám đốc Ban QLDA khu đô thị hồ Xương Rồng.
- + 04/2017 đến nay : Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2:** 1.061.006 cổ phần, chiếm 7,36% số cổ phần của Công ty.

b.2. Ông Nguyễn Duy Hưởng - Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh :02/10/1973
- Số CMND: : 030073002972
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc :Kinh
- Quê quán : Xã Vĩnh Hòa, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú :Tổ 20, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại : 0904767388
- Trình độ văn hoá :12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng Ngầm Mỏ

- **Quá trình công tác:**

- + 2000 – 2002 : Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Sông Đà 2
- + 2002-2003 :. Phó phòng QLKT – Công ty Xây Dựng Sông Đà 2
- + 2004-2005 : Trưởng ban KTCL Xí nghiệp Sông Đà 208 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2
- + 2006-2014 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công Ty Cổ phần Sông Đà 2
- + 2015-2016 : Giám đốc Chi nhánh Sông Đà 205
- + 2017-2018 : Phó giám đốc Chi nhánh Sông Đà 205
- + 2019-2021 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Sông Đà 2
- + Tháng 10/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2

- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2:** 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần của Công ty.

b.3. Ông Lê Văn Toàn – Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính :Nam
- Ngày tháng năm sinh :30/04/1975
- Số CMND : 038075003180; Ngày cấp 21/02/2017; Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc :Kinh
- Quê quán :Xã Thọ Phú – Huyện Triệu Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 3 – Phú Mỹ - P. Mỹ Đình 2 – Q. Nam Từ Liêm – Hà Nội.
- Số điện thoại : 02433 510542 (158)
- Trình độ văn hoá :12/12
- Trình độ chuyên môn :Kỹ sư xây dựng.

- **Quá trình công tác:**

- + 1999-2000 :Nhân viên xưởng thiết kế - Công ty TNHH tư vấn xây dựng Sông Đà – UCRIN
- + 2000-2001 :Trưởng ban điều hành công trình đường 207 – Cao Bằng – Hạ Long – Công ty Sông Đà 15
- + 2002-2003 :Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 9.06 – Công ty cổ phần Sông Đà 9
- + 2006-2007 : Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 9.06 kiêm Giám đốc xí nghiệp Sông Đà 961
- + 2008-2014 :Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 9.06 kiêm Giám đốc Ban quản lý dự án thủy điện Nậm Xây Nội II.
- + 2015-T06/2018 : Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 9.06
- + T06/2018-21/11/2018 : Phó Phòng Dự án Đấu thầu – Công ty cổ phần Sông Đà 2

- + Từ 22/11/2018 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần của Công ty.

b.4. Ông Lê Hoàng Minh - Kế toán trưởng Công ty.

- Giới tính :Nam
- Ngày tháng năm sinh :12/05/1981
- Số CMND số :038081016158; Ngày cấp: 24/04/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc :Kinh
- Quê quán :Tế Thắng – Nông Công – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú :16.03 – CT5A – KĐT mới Văn Khê – Hà Đông – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc :0974 696696
- Trình độ văn hoá :12/12
- Trình độ chuyên môn :Cử nhân Kinh tế
- **Quá trình công tác:**
- + 09/2003 - 9/2007 :Công ty TNHH Kiểm toán AISC - Trờ lý kiểm toán viên.
- + 10/2007 – 4/2010 :Kế toán trưởng - Chi nhánh XD CN - Sông Đà 207.
- + 5/2010 – 4/2016 :Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207.
- + 5/2016 – 6/2017 :Kế toán trưởng Công ty giải pháp tòa nhà Thông Minh
- + 09/2017-12/2018 :Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 207
- + 01/2019 - 04/2021 : Giám đốc Tài chính - Tập đoàn Mỹ Sơn
- + 05/2021 -10/2021 : Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty CP Sông Đà 2
- + 11/2021 đến nay :Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 2.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2:0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần của Công ty.

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Với mục tiêu xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư bất động sản, khu công nghiệp, xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng - công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện việc bảo toàn, phát triển, tích lũy và tối đa hóa lợi ích đối với phần vốn góp của các cổ đông; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Để làm được điều đó, Công ty luôn xác định việc thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và đào tạo phát triển nguồn nhân lực là một trong những chiến lược quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương đã được đăng ký với các cơ quan Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.
- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBCNV; Thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định.
- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.
- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Công ty chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật; cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cho công nhân kỹ thuật; đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật mới vào nghề.
- Bên cạnh những mặt tích cực, hiện nay Công ty cũng gặp phải một số khó khăn trong công tác đào tạo, tuyển dụng: với tính chất đặc thù công việc của Công ty không tập trung, địa bàn hoạt động rộng khắp cả trong và ngoài nước, đặc biệt là xây dựng các công trình thủy điện, giao thông tập trung tại vùng sâu, vùng xa nên việc tuyển dụng các kỹ sư, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao gặp nhiều khó khăn.
- Tổng số lao động của Công ty cổ phần Sông Đà 2 tính đến ngày 31/12/2021 (bao gồm cả công ty con):

BẢNG TỔNG HỢP CBCNV TOÀN CÔNG TY

ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Số TT	Nội dung	2021 (Người)	Ghi chú
I	Tổng số:	296	
II	Phân loại theo công việc		
1	Lao động gián tiếp (chuyên môn nghiệp vụ)	125	
2	Lao động trực tiếp, trong đó:		
	+ Công nhân kỹ thuật	81	
	+ Lao động thời vụ	76	
	+ Lao động phổ thông	14	
III	Phân loại theo trình độ học vấn		
1	Trên Đại học	2	
2	Đại học	103	
3	Cao đẳng, Trung cấp	20	
4	Thợ bậc cao (từ bậc 5 trở lên)	30	
5	Thợ bậc thấp, công nhân và LĐ phổ thông	127	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình đầu tư các dự án:

Trong năm 2021 Công ty thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá lại các dự án đầu tư của Công ty để tập trung vốn cho các dự án chuẩn bị hoàn thành và các dự án đang triển khai thực sự có hiệu quả kinh tế cao, đối với các dự án chưa đủ các điều kiện cần thiết (thiếu thủ tục pháp lý, chưa xác định được nguồn vốn) thì dừng hoặc giãn tiến độ và dừng hoặc chuyển nhượng các dự án đầu tư kém hiệu quả, ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, cụ thể công tác đầu tư các dự án trong năm 2021 của toàn công ty như sau:

Giá trị thực hiện đầu tư năm 2021: Giá trị đầu tư năm 2021: TH 48,584 tỷ đồng/KH 85,000 tỷ đồng, đạt 57% KH, trong đó:

+ Công ty mẹ: Thực hiện 48.584 tỷ đồng/KH 85.000 tỷ đồng, đạt 57% KH

+ Công ty con: Thực hiện 0 tỷ đồng/KH 4,965 tỷ đồng, đạt 0% KH

Tình hình đầu tư tài chính đến 31/12/2021:

Số TT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2021
I	Đầu tư vào công ty con	45.000.000.000
1	Công ty TNHH MTV CTGT Sông Đà	45.000.000.000
II	Đầu tư, góp vốn vào các công ty khác	1.245.000.000
1	Công ty CP Thủy điện ĐăkĐrinh	660.000.000
2	Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000
	Tổng cộng	46.245.000.000

3.2. Chi tiết công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C:

- Địa chỉ: Km 10 đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
- Số điện thoại: 024 85887906 Fax: 024 33560838
- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 02/4/2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/7/2010 theo mã số doanh nghiệp số 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 23/01/2015 chuyển đổi từ Công ty cổ phần Công trình giao thông Sông Đà, thay đổi lần thứ 9 ngày 02/03/2017, thay đổi lần thứ 10 ngày 27/09/2018 chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sông Đà thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C, thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 04 năm 2021 .
- Ngành nghề hoạt động: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ; Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất tấm lợp, sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Nạo vét và bồi đắp mặt đường nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất bê tông nhựa nóng; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Thiết kế, trang trí nội thất; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng).
- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính riêng công ty mẹ

ĐVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm (%)
- Tổng giá trị tài sản	334.970.328	329.234.074	98%
- Doanh thu thuần	135.903.609	148.859.251	110%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-22.668.249	11.015.096	-49%
- Lợi nhuận khác	3.740.368	3.751.032	100%
- Lợi nhuận trước thuế	-18.927.880	14.766.128	-78%
- Lợi nhuận sau thuế	-20.587.629	11.987.471	-58%
- Tỷ lệ cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – riêng công ty mẹ:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,42	1,85	
+ Hệ số thanh toán nhanh				
TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,98	1,18	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	50,4	45,89	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	101,6	84,82	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán	Vòng	1,05	1,14	
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		0,48	0,45	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				

+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	-4,5	8,0
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	-3,38	6,73
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	-4,08	3,64
+ Hệ số LN từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	-6,02	7,4

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- + Tổng số cổ phần của công ty : 14.423.536 cổ phần.
- + Số cổ phần đang lưu hành : 14.423.536 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 14.423.536 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm chốt danh sách ngày 09/02/2022: Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Sông Đà, số lượng cổ phần nắm giữ: 5.880.000 cổ phần, chiếm 40,7% vốn điều lệ.

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Tổ chức	6.018.995	41,73%
	- Trong nước	6.010.962	41,67%
	- Nước ngoài	8.033	0,056%
2	Cá nhân	8.404.541	58,27%
	- Trong nước	7.583.167	52,57%
	- Nước ngoài	821.374	5,69%
3	Tổng cộng	14.423.536	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác: Công ty không có phát sinh chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu: Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, xây lắp các công trình giao thông, dân dụng, thủy điện thủy lợi; Do vậy nguyên vật liệu để sử dụng cấu thành sản phẩm của Công ty chính là nguyên vật liệu phục vụ xây dựng cơ bản (sắt, thép, xi măng, cát, đá,...). Công ty đã ban hành các quy định về mua sắm, quản lý sử dụng vật tư nhằm đảm bảo việc sử dụng vật tư có hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương đã được đăng ký với các cơ quan Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.
- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBCNV; Thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định.
- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.
- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Công ty chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật; cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cho công nhân kỹ thuật; đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật mới vào nghề.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty chấp hành và tuân thủ tốt các quy định của địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Thuận lợi và khó khăn:

Năm 2021, hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty cổ phần Sông Đà 2 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế trong nước đã có những bước tăng trưởng, ngành xây dựng vẫn đang trong quá trình phục hồi. Tuy nhiên, việc tìm kiếm việc làm của đơn vị vẫn gặp rất khó khăn do mức độ cạnh tranh cao giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tuy chưa hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu nhưng Công ty vẫn duy trì được sản xuất kinh doanh ổn định và thực hiện đầy đủ các chế độ, nghĩa vụ với Nhà nước và người lao động.

Khắc phục những khó khăn, năm 2022 Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV toàn Công ty đã nỗ lực, cố gắng tìm các giải pháp như: Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm; Quản lý chi phí; Đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án; Tập trung công tác thu vốn; Tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí tài chính; Đào tạo, tuyển dụng bổ sung cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề; Tăng cường công tác kiểm tra giám sát nội bộ...

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính năm 2021:

a. Số liệu Báo cáo hợp nhất

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 ⁶ đ)	Thực hiện (10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	393.000	282.900	72%
2	Doanh thu	416.000	220.723	63%
3	Thực hiện đầu tư	85.000	52.400	62%

4	Nộp Ngân sách Nhà nước	57.900	38.910	67%
5	Lợi nhuận trước thuế	14.300	16.028	
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	3.21%	7,45%	
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	9,93%	11,13%	
8	Tổng số CBCNV	400	296	74%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	7.060.000	7.210.000	102,1%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	0%		

b. Số liệu Báo cáo riêng Công ty mẹ

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 ⁶ đ)	Thực hiện (10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	269.971	199.782	74%
2	Doanh thu	263.000	148.859	57%
3	Thực hiện đầu tư	85.000	52.411	62%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	34.900	24.300	69%
5	Lợi nhuận trước thuế	14.300	14.766	103,2%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	5.44%	9,92%	
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	9,93%	10,25%	
8	Tổng số CBCNV	250	196	78%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	7.130.000	7.440.000	104,35%

Vốn cho SXKD và đầu tư đến 31/12/2021 của Công ty mẹ:

Trong đó:

- + Vốn chủ sở hữu: 178,1 tỷ đồng.
- ✓ Vốn điều lệ: 144,2 tỷ đồng.
- ✓ Thặng dư vốn: 15,7 tỷ đồng.
- ✓ Các quỹ doanh nghiệp: 24,01 tỷ đồng.
- ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: -5,86 tỷ đồng.
- + Vốn vay các TCTD cho SXKD và đầu tư: 30,33 tỷ đồng.
- ✓ Vốn ngắn hạn: 30,33 tỷ đồng.
- ✓ Vốn trung hạn, dài hạn: 0 tỷ đồng.

2. Tình hình Tài chính: (Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty)

2.1. Báo cáo hợp nhất:

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,48
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,89
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62,7
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37,3
3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	93,3
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	6,7
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	5,6
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,5
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000 đ/cp)		
- Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành)	Đồng	838

2.2. Báo cáo Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	2,17
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,17
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	45,8
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	54,11
3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	84,98
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	15,02
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	8,05
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,64

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý tiến độ thi công: Cơ bản đáp ứng yêu cầu, phục vụ kịp thời công tác quản lý điều hành của Công ty tại các công trình trọng điểm, cơ bản đảm bảo hoàn

thành mục tiêu tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết với các Chủ đầu tư và Nhà thầu chính.

- Công tác quản lý khối lượng, chất lượng:
 - + Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các đơn vị thi công đảm bảo chất lượng công trình;
 - + Lập và phê duyệt biện pháp thi công chi tiết trước khi triển khai thi công các công trình;
 - + Kiểm tra, lựa chọn các loại vật liệu chính đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng cho các công trình.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, quản lý môi trường:
 - + Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các đơn vị thực hiện thi công đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường;
 - + Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015; Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và tiêu chuẩn Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018;
 - + Trong năm 2021, tại các công trình thi công không để xảy ra mất an toàn lao động.
- Công ty đã chủ động cân đối, điều chuyển xe máy thiết bị kịp thời đảm bảo phục vụ thi công các công trình trọng điểm như: Công trình đường Bảo Ninh; Công Trình Dương Nội, Công trình Thủy Điện Nậm Pạc...;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên. Nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả sử dụng xe máy thiết bị.
- Công ty đã chủ động làm việc với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng để đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ SXKD và đầu tư của Công ty. Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn ưu đãi với lãi suất thấp;
- Định kỳ hàng tháng tổ chức kiểm điểm công tác thu vốn tại các công trình, phân giao cụ thể nhiệm vụ của từng lãnh đạo Công ty, Phòng ban Công ty đối với từng công trình cụ thể. Nghiên cứu đề xuất các phương án để thu hồi các khoản công nợ khó đòi;
- Giải quyết tốt công tác thu hồi công nợ tạm ứng cá nhân;
- Rà soát, phân loại và đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu, đầu tư tài chính. Lũy kế đến ngày 31/12/2021, đã trích lập dự phòng theo quy định số tiền 23,6 tỷ đồng; Xóa nợ phải trả lâu năm đối với những khoản phải trả không xác định được đối tượng trả.
- Thực hiện giao kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, năm cho từng đơn vị. Lập các báo cáo theo quy định kịp thời phục vụ công tác quản lý và điều hành của Công ty;
- Xây dựng dự toán chi phí và ký hợp đồng giao khoán với các đơn vị trực thuộc khi Công ty nhận thầu thi công các công trình. Thực hiện quyết toán hợp đồng giao khoán với các đơn vị trực thuộc khi công trình kết thúc thi công;
- Công tác ký kết và thực hiện các Hợp đồng kinh tế: Đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và quy chế phân cấp quản lý và thực hiện Hợp đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt;
- Công tác nghiệm thu thanh quyết toán và giải quyết các vướng mắc kinh tế tại các công trình

được tập trung thực hiện và cơ bản đạt được kết quả theo yêu cầu;

Hàng tháng đã thực hiện kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí phù hợp với đầu thu và dự toán chi phí đã được phê duyệt.

Trong năm 2021, Công ty đã trúng thầu các công trình với tổng giá trị là **140,46 tỷ đồng**, bao gồm:

- Công ty mẹ: **138,7 tỷ đồng**:
- + Thi công Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Bảo Ninh 1 - Quảng Bình: Giá trị 46,14 tỷ đồng.
- + Thi công hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Mỹ Trung B - TP.Nam Định: Giá trị 28,21 tỷ đồng.
- + Thi công phần móng 196 căn biệt thự Khu đô thị mới Dương Nội - Hà Đông: Giá trị 44,85 tỷ đồng.
- + Thi công xây thô và hoàn thiện mặt ngoài 04 căn liền kề phân khu D và hoàn thiện 04 căn biệt thự An Phú Shopvilass Khu đô thị mới Dương Nội - Hà Đông: Giá trị 7,52 tỷ đồng.
- + Thi công xây dựng và hoàn thiện 04 căn biệt thự Khu đô thị mới Phùng Khoang với giá trị 6,78 tỷ đồng.
- + Thi công xây dựng và hoàn thiện 04 căn biệt thự Khu đô thị mới Phùng Khoang với giá trị 5,2 tỷ đồng.
- Công ty con: **1,76 tỷ đồng**
- + Thi công hệ thống kè đá Tuyến 3 - Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Lâm Sơn - Hòa Bình: Giá trị là 1,76 tỷ đồng.

Về tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2021:

Giá trị thực hiện đầu tư năm 2021: Giá trị đầu tư năm 2021: TH 48,584 tỷ đồng/KH 85 tỷ đồng, đạt 57% KH, trong đó:

- + Công ty mẹ: TH 48,584 tỷ đồng/KH 85 tỷ đồng, đạt 57% KH.

Nguyên nhân không đạt kế hoạch cụ thể như sau:

- + Do công tác giải phóng mặt bằng chậm.
- + Do một số thủ tục chuẩn bị đầu tư triển khai còn chậm.

4.1 Dự án Đầu tư xây dựng KĐT Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên

4.1.1 Thủ tục đầu tư

- UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 về việc Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên đến hết Quý IV năm 2022.

- UBND thành phố Thái Nguyên đã ban hành các Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ chi tiết 1/500 (Quyết định số 3686/QĐ-UBND phê duyệt ngày 22/4/2021 và Quyết định số 14068/QĐ-UBND ngày 29/12/2021).

- UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2021 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên (Có dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên).

- UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 6133/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 về việc phê duyệt giá đất thu hồi và giá đất giao tái định cư trên địa bàn thành phố Thái Nguyên (Có dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên).

- UBND tỉnh Thái Nguyên đã hành Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc giao đất cho Công ty CP Sông Đà 2 để sử dụng vào mục đích xây dựng KĐT Hồ Xương Rồng (8.540m²; đợt 13). Dự án cũng đã trình UBND tỉnh xem xét ra Quyết định giao đất để thực hiện dự án đợt tiếp theo (4.793,8m²; đợt 14).

- UBND tỉnh Thái Nguyên đã hành các Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 19/04/2021 và Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 về việc cấp GCN QSD đất cho dự án (44 GCN; 4.838,17m²).

- Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra tại hiện trường và thống nhất báo cáo UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định cho phép dự án thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật cơ bản cho người dân tự xây dựng nhà ở.

- Công ty CP Sông Đà 2 đã ban hành các Quyết định số 308/QĐ-TGĐ ngày 06/8/2021 và Quyết định số 508/QĐ-TGĐ ngày 08/12/2021 về việc phê duyệt thiết kế điều chỉnh và bổ sung dự toán thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật tại dự án.

- Công tác kiểm định bàn giao dự án giai đoạn 1: Đã có văn bản số 215/CV-BQL ngày 28/12/2021 gửi Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc Xác nhận kết quả kiểm định xây dựng công trình dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên do đơn vị Tư vấn và Kiểm định xây dựng Hạ Long thực hiện (đơn vị đã được Sở Xây dựng Thái Nguyên chấp thuận tại văn bản số 1040/SXD-GĐXD ngày 23/4/2021) trên cơ sở Đề cương kiểm định xây dựng đã được Sở Xây dựng Thái Nguyên chấp thuận tại văn bản số 201/SXD-GĐXD ngày 21/01/2020.

- Quan trắc môi trường định kỳ hằng năm tại dự án (02 lần/năm): Công ty CP Sông Đà 2 đã có Quyết định số 161/QĐ-TGĐ về việc Phê duyệt dự toán chi phí quan trắc, lập báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng năm 2021 thuộc dự án KĐT Hồ Xương Rồng, Tp.Thái Nguyên. Trung tâm quan trắc môi trường Thái Nguyên (thuộc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên) là đơn vị được lựa chọn ký kết hợp đồng thực hiện và đã hoàn thành nội dung theo hợp đồng đã ký.

- Việc triển khai thực hiện đầu tư các Tòa nhà cao tầng CT-01 và CT-02: Tiếp tục bám chính quyền địa phương để thực hiện hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng đối với các hộ còn lại nằm trên các lô đất cao tầng CT-01 (01 hộ) và CT-02 (04 hộ) để có mặt bằng triển khai theo kế hoạch.

- Thanh tra Chính phủ đã chính thức ban hành Thông báo số 1046/KL-TTCTP ngày 01/7/2021 về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng và khai thác tài nguyên, khoáng sản của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn từ 01/01/2010 đến 31/12/2018 trong đó có một số nội dung liên quan đến dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng. Ngay sau khi có kết luận chính thức của Thanh tra Chính phủ Chủ dự án đã phối hợp với chính quyền các cấp để thực hiện các nội dung đã được chỉ ra. Hiện tại liên quan đến nội dung điều chỉnh quy hoạch đã được thực hiện xong (Quyết định số 14068/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thành phố Thái Nguyên).

4.1.2 Bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB)

- Lũy kế thực hiện đến thời điểm 31/12/2021:

+ Tổng số hộ đã thực hiện GPMB: 501/526 hộ (gồm 145/145 hộ đất nông nghiệp, 348/373 hộ đất phi nông nghiệp, 8/8 hộ đất tổ chức), đạt 95,2%.

+ Tổng diện tích đã thực hiện GPMB: 42,90/43,43ha, đạt 98,8%.

+ Tổng giá trị đã thực hiện chi trả cho công tác GPMB: 554,81/558,38 tỷ đồng, đạt 99,4%.

- Kết quả thực hiện năm 2021:

+ Tổng số hộ đã thực hiện GPMB: 23/25 hộ, đạt 92,0% kế hoạch năm.

+ Diện tích đã thực hiện GPMB: 0,53/0,55ha, đạt 96,6% kế hoạch năm.

+ Thực hiện chi trả GPMB: 40,74/42,29 tỷ đồng, đạt 96,3% kế hoạch năm.

- Kế hoạch thực hiện năm 2022:
 - + Số hộ phải bồi thường GPMB: 16 hộ.
 - + Diện tích phải GPMB: 2.293m²
 - + Chi trả GPMB: 21,91 tỷ đồng.

4.1.3 Xây dựng cơ sở hạ tầng

- Lũy kế thực hiện đến thời điểm 31/12/2021: 298,56/345,38 tỷ đồng, đạt 86,4% dự toán chi phí được duyệt.
- Kết quả thực hiện năm 2021: 5,19/36,06 tỷ đồng, đạt 14,4% kế hoạch năm.
- Kế hoạch thực hiện năm 2022: 40,54 tỷ đồng.

4.1.4 Công tác quản lý dự án:

- Các hạng mục Công ty CP Sông Đà 2 đang triển khai thi công được quản lý thực hiện theo quy trình giám sát chất lượng của Công ty và các quy định của Pháp luật.
- Công tác giám sát thi công tại hiện trường do đơn vị tư vấn giám sát độc lập thực hiện đảm bảo theo đúng các quy trình, quy định hiện hành.
- Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án: Hàng tuần, tháng, quý Công ty CP Sông Đà 2 thực hiện nghiêm túc các công tác kế hoạch, kế hoạch nhiệm vụ, báo cáo, kiểm tra thực hiện đối với Ban QLDA Khu đô thị Hồ Xương Rồng và các phòng ban chức năng liên quan phối hợp thực hiện dự án.

4.2 Dự án Khu nhà ở liền kề phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình

4.2.1 Thủ tục đầu tư

- Dự án đã hoàn thành công tác đầu tư, kinh doanh giai đoạn 1.
- Đối với phần diện tích còn lại của giai đoạn 2: Do tỉnh Hòa Bình đã có chủ trương giải quyết cho các hộ dân được công nhận và xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các hộ nằm trên mặt đường Hòa Bình do vậy Chủ đầu tư đã quyết định dừng thực hiện để quyết toán dự án theo quy định.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2022:

Phương châm: Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định. Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh nhà ở và khu đô thị, khu công nghiệp có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển của Công ty.

- Nâng cao một bước công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm theo ngành nghề kinh doanh chính đảm bảo đủ việc làm theo kế hoạch, đảm bảo đời sống cho CBCNV trong năm 2022 và những năm tiếp theo.
- Thực hiện triệt để các biện pháp quản lý chi phí đảm bảo hiệu quả công tác xây lắp năm 2022.
- Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ Chỉ huy trưởng công trường, trình độ Tiếng Anh cho CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập và tăng năng suất lao động.
- Tập trung quyết liệt quyết toán xong và thu vốn dứt điểm các công trình đã thi công xong: Thủy điện Bản Vẽ, CT Orange Garden, Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi (gói thầu số 4 và gói

thầu A4 Lotte)....

- Tiếp tục tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác thu hồi vốn và các khoản công nợ khó đòi, công nợ dài hạn, thường xuyên kiểm soát và có những giải pháp hiệu quả, hợp lý để không làm tăng và giảm dần giá trị công nợ cá nhân.
- Tích cực và tiếp tục hoàn thành các thủ tục thoái vốn tại một số doanh nghiệp khác theo kế hoạch để tập trung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Tại báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC có ý kiến ngoại trừ liên quan đến các khoản công nợ phải thu, dở dang như sau *“Công ty có các khoản công nợ phải thu chi nhánh Sông Đà 406 - Công ty Cổ phần Sông Đà 4, phải thu chi nhánh Sông Đà 603 – Công ty cổ phần Sông Đà 6, phải thu chi nhánh Sông Đà 307 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3, phải thu Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 1 và phải thu Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ này tại thời điểm lập báo cáo tài chính, do đó chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết đến chỉ tiêu “ Dự phòng phải thu khó đòi” cũng như các chỉ tiêu có liên quan đến báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.....”*

Ban Tổng giám đốc giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

Các khoản phải thu liên quan đến việc thi công công trình Thủy điện xekaman 1, trong đó Tổng Công ty Sông Đà – CTCP là nhà thầu chính, Công ty và các đơn vị thành viên (Ban điều hành dự án Xekaman 1, Công ty Cổ phần Sông Đà 3, Công ty Cổ phần Sông Đà 4, Công ty Cổ phần Sông Đà 6....) là nhà thầu phụ cho Tổng công ty. Nội dung phải thu liên quan đến cấp phối đá dăm, cát nhân tạo, cốt liệu.... để các nhà thầu phụ này thi công. Theo công văn số 162/TCT-QLKTCN ngày 09/02/2021 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP, Hiện tại Tổng công ty đang chỉ đạo các đơn vị liên quan để tập hợp hồ sơ quyết toán gửi Chủ đầu tư xem xét, trong giai đoạn quyết toán công trình, chủ đầu tư sẽ giữ lại các khoản công nợ với Tổng thầu và nhà thầu thi công cho đến khi hoàn thành xong quyết toán. Do đó, giữa Công ty và các đơn vị kể trên đã thỏa thuận công nợ phải thu sẽ được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày các đơn vị này thanh toán.

Khoản phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên, đây là khối lượng xây lắp công trình Thủy điện Hà Tây. Hiện tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên đang gặp khó khăn nên chưa thể thanh toán khoản công nợ nêu trên, giữa Công ty cổ phần Sông Đà 2 và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây nguyên đã có biên bản làm việc về việc thanh toán công nợ vào ngày 01/07/2019, theo đó Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên cam kết sẽ thanh toán công nợ trong vòng 60 ngày kể từ ngày phương án tái cấu trúc được phê duyệt.

Khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang “Công trình Đà Nẵng - Quảng Ngãi” đây là Công trình đang trong thời gian quyết toán và đồng thời đang có đoàn thanh tra, kiểm tra của nhà nước cho nên dẫn đến việc quyết toán chậm tiến độ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác chính sau:

- Trên cơ sở kế hoạch của năm 2021 đã đề ra và thực tế triển khai thực hiện, với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, HĐQT đã tiến hành giám sát, quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, đã xác định được các vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kế hoạch hoạt động phù hợp, đồng thời cùng với Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty như: Cơ cấu sắp xếp lại mô hình tổ chức và nhân lực, công tác tiếp thị đầu thầu, tìm kiếm việc làm, công tác đầu tư các dự án, công tác quản lý tài chính v.v ...
- HĐQT đã sắp xếp trực tiếp làm việc với các bộ phận chức năng liên quan nghe ý kiến tham mưu và có những góp ý với Ban Tổng giám đốc nhằm đưa ra các giải pháp, biện pháp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn và chỉ đạo kịp thời phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD và các mặt công tác khác.
- Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp chuyên đề; lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, quyết định và ban hành các Nghị quyết; Quyết định và Văn bản khác để làm cơ sở cho Tổng giám đốc triển khai các hoạt động SXKD. Các vấn đề lớn của Công ty đã được xem xét, phê duyệt như sau:
 - Phê duyệt và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; phê duyệt kế hoạch chi phí quản lý, tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2021; phê duyệt mức trích khấu hao TSCĐ 2021.
 - Thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2021 để báo cáo ĐHCĐ thông qua trong phiên họp thường niên 2021
 - Xem xét, thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh quý và nhiệm vụ trọng tâm của quý tiếp theo.
 - Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhiều quy chế, quy định nội bộ của Công ty để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ SXKD và thực tiễn hiện nay:
 - Quyết định việc miễn nhiệm, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý.
 - Quyết định các phương án, chủ trương trong công tác khảo sát đánh giá đầu tư vào các dự án cũng như đầu tư khác, bao gồm: Dự án đầu tư khu dân cư cửa ngõ phía đông TP Kontum, Dự án đầu tư khu dân cư phường Quảng Thọ - Sầm Sơn – Thanh Hóa.
 - Các nội dung khác : HĐQT đã thực hiện tốt việc cung cấp các tài liệu, thông tin cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và những quy chế, quy định phân cấp đã ban hành, Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị.
- Trong năm 2021, Ban Điều hành đã có sự nỗ lực cao, luôn nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường, thực hiện nghiêm túc việc triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định của pháp

luật;

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ chuyên môn, năng lực và phẩm chất, có kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án thi công đòi hỏi tiến độ khẩn trương.
- Tổng giám đốc đã phân công nhiệm vụ rõ ràng trong Ban Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Thực hiện các quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2015, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và tiêu chuẩn ISO 45001:2018.
- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động SXKD, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động SXKD của Công ty; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các đơn vị trực thuộc.
- Ban Điều hành cũng đã xây dựng và triển khai cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi nhánh theo định hướng chủ động, linh hoạt và chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trực thuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Báo cáo, cung cấp đầy đủ các thông tin và dữ liệu liên quan để các Cơ quan chức năng Nhà nước và cấp trên thực hiện nhiệm vụ theo quy định.
- Có các quy định chặt chẽ về nâng cao ý thức thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, tiến độ, đảm bảo tuyệt đối An toàn lao động - Vệ sinh lao động đối với người và thiết bị xe máy trong quá trình thi công.
- Quan tâm đến đời sống của người lao động: Tiền lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.
- Kết quả SXKD năm 2021: Công tác điều hành cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra, tuy nhiên hiệu quả kinh doanh chưa cao, nhất là trong lĩnh vực xây lắp.

3. Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

- Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác đấu thầu; xây dựng cơ sở dữ liệu; mở rộng hợp tác nhằm nâng cao năng lực trong đấu thầu; lựa chọn gói thầu, dự án phù hợp, chú trọng các lĩnh vực là ngành nghề chính của công ty (Xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, dân dụng, hạ tầng công nghiệp, khu đô thị...).
- Nâng cao năng lực thi công, tổ chức thi công các công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả; Tạo uy tín tốt với chủ đầu tư
- Hoàn thiện công tác xây dựng đơn giá nội bộ; Tiếp tục thực hiện công tác giao khoán thi công và quản lý chi phí, quyết toán định kỳ.
- Tập trung công tác thu vốn, thu hồi công nợ; quyết toán và thu vốn dứt điểm các công trình đã thi công xong như: Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Dự án Khu đô thị Vườn Cam; Thủy điện Xekaman1; Thủy điện Bản Vẽ; Đường Chu Văn An - Hà Nội,..
- Chủ động trong công tác thu xếp vốn, đảm bảo dòng tiền cho SXKD, đầu tư và trả nợ.

- Hoàn thành các thủ tục thoái vốn các khoản đầu tư tài chính tại Công ty cổ phần Công ty CP GSM, phối hợp TCT Sông Đà thoát vốn tại Công ty CP thủy điện Đakrinh (Ủy thác qua TCT Sông Đà);
- Tiếp tục triển khai công tác đầu tư dự án, tập trung giải quyết các khó khăn trong công tác GPMB, bàn giao hạ tầng kỹ thuật, quyết toán dự án. Nghiên cứu phát triển các dự án mới.
- Thực hiện nghiên cứu ứng dụng công nghệ, các tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào thi công và quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả trong SXKD và quản lý doanh nghiệp.
- Tiếp tục sắp xếp lại mô hình quản lý sản xuất của công ty, giảm dần cấp quản lý trung gian, định biên số lượng CBCNV theo hướng tinh gọn gắn với chất lượng.
- Thường xuyên rà soát, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy chế quy định, đảm bảo phù hợp quy định của Pháp luật và yêu cầu phát triển của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm soát nội tại công ty và công ty con.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 2 được Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 5 thành viên. Trong đó có: Chủ tịch, 04 thành viên HĐQT.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã Bổ nhiệm Ông Dương Ngọc Hải làm chủ tịch Hội đồng quản trị, miễn nhiệm chức vụ chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Ngọc, Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Hoàng Văn Sơn, ông Bùi Xuân Ngọc và ông Lê Văn Toàn. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Văn Ngọc, Ông Đào Đức Phong và Ông Nguyễn Hồng Dương.

1.2 Các hoạt động của HĐQT:

1. HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; Tổ chức triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

2. HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ theo quy định và nhiều cuộc họp chuyên đề khác; Tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT các vấn đề quan trọng, thuộc thẩm quyền của HĐQT bằng văn bản; Ban hành các nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT công ty được ban hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của Công ty CP Sông Đà 2.

3. HĐQT chỉ đạo/giám sát thực hiện đối với Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chuyên môn thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thông qua các

- *Về thực hiện thi công xây lắp:* Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện triển khai thi công và quản lý các công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn và có hiệu quả. Từng bước nâng cao năng lực thi công, đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng, tiến độ, giá thành cạnh tranh, tạo uy tín tốt với chủ đầu tư. Tuy nhiên, một số công trình gặp nhiều khó khăn, công tác bàn giao mặt bằng chậm, thiếu thiết kế, thiếu vốn thanh toán, công tác tổ chức thi công có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu, đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch thi công, thu vốn và hiệu quả của công ty.

- *Về công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm:* HĐQT luôn xác định công tác thị trường, đấu thầu là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Công ty đã rất tích cực triển khai nhiều giải pháp, hoàn chỉnh hồ sơ năng lực, kinh nghiệm; Nghiên cứu, lựa chọn gói thầu, dự án phù hợp và hợp tác với các đối tác nhằm nâng cao năng lực trong đấu thầu. Tuy nhiên, lực lượng cán bộ làm đấu thầu còn hạn chế, hiệu quả đấu thầu thấp.

- *Công tác kinh tế - kế hoạch:* HĐQT đã chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp trong công tác kinh tế - kế hoạch, xây dựng dự toán, quản lý giá thành nội bộ, thực hiện giao khoán và quyết toán định kỳ đối với từng công trình. Tuy nhiên, công tác quản lý kinh tế, kế hoạch còn một số tồn tại: Giá trị dở dang, công nợ còn lớn, tồn tại nhiều vướng mắc về kinh tế tại một số dự án chưa được giải quyết, gây khó khăn trong công tác thu vốn. Việc xây dựng giá đấu thầu chưa sát với thực tế, rủi ro trong đấu thầu và thi công.

- *Công tác tài chính:* Công ty đã chủ động trong việc thu xếp vốn, cơ bản đảm bảo dòng tiền cho SXKD và trả nợ các tổ chức tín dụng.

- *Công tác đầu tư:* Đã chỉ đạo thực hiện đầu tư, kinh doanh các dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật. Tuy nhiên, công tác đầu tư các dự án đang gặp nhiều khó khăn trong công tác GPMB, thu xếp vốn, kinh doanh bán hàng, các thủ tục đầu tư với chính quyền địa phương kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả dự án. HĐQT đang tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, phát triển các dự án bất động sản mới.

- *Công tác tổ chức, cán bộ:* HĐQT đã chỉ đạo sắp xếp lại mô hình quản lý và sản xuất của công ty, theo hướng giảm dần cấp quản lý trung gian là các xí nghiệp, chi nhánh, thay bằng các ban dự án, đội thi công trực tiếp trực thuộc công ty; Sắp xếp lại các phòng chức năng; định biên số lượng CBCNV. Đánh giá bước đầu đem lại hiệu quả trong quản lý điều hành, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Công tác tái cấu trúc các khoản đầu tư:* Hiện nay, các khoản đầu tư tài chính của công ty còn giá nhỏ. Công ty đang tìm kiếm đối tác và thực hiện công tác thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần GSM và Công ty cổ phần Thủy điện Đakrinh.

- Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm soát nội bộ theo kế hoạch.

HĐQT và các thành viên HĐQT công ty đã hoạt động theo đúng Điều lệ, các quy định hiện hành của pháp luật, quy chế quản lý nội bộ của công ty; Các thành viên HĐQT đã chủ động, trách nhiệm, trung thực và cẩn trọng để thực hiện các chức trách, nhiệm vụ được giao vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

1.3 Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 77/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông:

Về kết quả SXKD:

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	NĂM 2021						
			KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			TỶ LỆ (%)
			Hợp nhất	Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất	Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	Trđ	393.000	269.971	123.000	277.100	201.705	75.377	71%
1	Kinh doanh xây lắp	Trđ	249.971	174.971	75.000	109.834	86.582	23.252	44%
2	Kinh doanh SP và bán SP phục vụ XL	Trđ	1.000	1.000	0	1.787	1.787	0	179%
3	Sản xuất công	Trđ	45.000		45.000	47.656		47.656	106%

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	NĂM 2021						
			KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			TỶ LỆ (%)
			Hợp nhất	Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất	Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất
	nghiệp								
4	Kinh doanh BĐS	Trđ	93.000	93.000	0	108.881	108.881		117%
5	Hoạt động TC và hoạt động khác	Trđ	4.000	1.000	3.000	8.923	4.454	4.469	223%
II	Doanh số bán hàng	Trđ	445.000	276.517	168.516	255.200	173.895	81.288	57%
1	Doanh thu	Trđ	416.000	263.000	153.000	238.259	164.212	74.047	57%
2	Thuế GTGT đầu ra	Trđ	35.300	20.000	15.300	16.924	9.683	7.241	48%
III	Tiền về tài khoản	Trđ	442.000	241.000	201.000	299.848	190.000	109.848	68%
IV	Lợi nhuận TT	Trđ	14.300	14.300		16.028	14.766	1.262	108%
V	Các khoản nộp Nhà nước	Trđ	57.500	34.900	22.600	38.910	25.100	13.810	68%
III	ĐẦU TƯ	Trđ	85.000	85.000	0	48.584	48.584	0	57%

Về phân phối lợi nhuận:

Công ty CP Sông Đà 2 đề xuất không thực hiện chia cổ tức năm 2021 để bù lỗ lũy kế kỳ trước, nâng cao năng lực tài chính, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua lựa chọn các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau :

- + Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY
- + Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A & C
- + Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC(AAC)
- + Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Thanh toán lương, thù lao HĐQT, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát:

Nhằm tăng cường trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó, Hội đồng quản trị trình Đại hội phương án chỉ trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2021, cụ thể:

STT	Chức danh	Số người	KH tiền lương, thù lao 2021 Theo TT 28/2016/TT- BLĐTBXH		Trình ĐH năm 2021 thông qua	
			Lương/tháng (đ)	Thù lao/tháng (đ)	Lương/tháng (đ)	Thù lao/tháng (đ)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	36.000.000	0	36.000.000	0
2	Thành viên HĐQT	4		5.000.000		5.000.000
3	Trưởng BKS	1	22.000.000	5.000.000	22.000.000	5.000.000
4	Thành viên BKS	2		3.000.000		3.000.000

Ghi chú: Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách thì hưởng thù lao, không hưởng lương.

- Mức lương kế hoạch phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.
- Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2018 thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.
- Hàng tháng được tạm ứng tiền lương theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Bình Lục - Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Lê Tuấn Việt - Thành viên BKS.
- Ông Đỗ Xuân Hoàng - Thành viên BKS.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021 các hoạt động của Ban kiểm soát Công ty là kiểm tra, kiểm soát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành ở Công ty, cụ thể như sau:

- Thực hiện các nội dung hoạt động thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Tham gia góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định, đảm bảo các quy định nội bộ của Công ty được cập nhật kịp thời theo quy định pháp luật hiện hành và tình hình phát triển của Công ty.

- Tham dự các cuộc họp hàng quý của HĐQT, giao ban tháng, tuần của ban điều hành, nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và có những góp ý, ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Xem xét báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2021 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) phát hành.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao.

VI. Báo cáo Tài chính:

Các Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và Luật chứng khoán; đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và website của Công ty.

1. Báo cáo Tài chính hợp nhất:

- **Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- **Địa chỉ:** Số 1, Lê Phụng Hiểu, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của công ty kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		441.343.733.450	462.973.811.494
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.841.381.016	2.382.028.672
111	1.	Tiền		1.141.381.016	2.382.028.672
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		243.028.187.835	270.428.191.654
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	209.783.484.457	299.049.292.563
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.863.778.173	11.722.165.024
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	7	44.995.651.874	43.900.367.287
137	4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(23.772.085.703)	(17.400.992.254)
140	IV.	Hàng tồn kho	9	175.869.750.501	185.419.844.557
141	1.	Hàng tồn kho		175.869.750.501	185.419.844.557
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác		6.604.414.098	4.743.746.611
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.016.054.999	1.278.070.495
152	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.588.359.099	3.276.440.450
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15		189.235.666
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		31.520.467.037	41.054.898.066
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn		1.641.741.626	1.660.797.801
216	1.	Phải thu dài hạn khác	7	1.641.741.626	1.660.797.801
220	II.	Tài sản cố định		28.169.430.926	35.946.433.347
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	28.169.430.926	35.946.433.347
222	-	Nguyên giá		162.042.513.629	183.893.896.533
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(133.873.082.703)	(147.947.463.186)
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	10		
242	2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	V.	Đầu tư tài chính dài hạn	4	600.000.000	600.000.000
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.185.000.000	1.185.000.000
254	2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(585.000.000)	(585.000.000)
260	VI.	Tài sản dài hạn khác		1.109.294.485	2.847.666.918
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	12	1.109.294.485	2.847.666.918
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN			472.864.200.487	504.028.709.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		296.622.465.750	339.877.210.013
310	I.	Nợ ngắn hạn		293.999.861.785	335.827.209.076
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	13	80.006.107.742	75.416.729.203
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	72.219.328.353	47.361.773.344
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.036.224.578	16.407.317.598
314	4.	Phải trả người lao động		7.904.423.087	8.869.420.680
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	5.552.316.505	4.177.241.331
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	17	17.832.632.350	19.439.181.260
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	92.768.943.702	163.102.286.240
321.	8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		672.728.227	1.227.102.179
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.157.241	26.157.241
330	II.	Nợ dài hạn		2.622.603.965	4.050.000.937
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	1.716.219.000	2.949.019.000
342	2	Dự phòng phải trả dài hạn		834.728.965	1.100.981.937
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		176.241.734.737	164.151.499.547
410	I.	Vốn chủ sở hữu	19	176.241.734.737	164.151.499.547
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		144.235.360.000	144.235.360.000
411a		<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>144.235.360.000</i>	<i>144.235.360.000</i>
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		15.704.407.780	15.704.407.780
414	3.	Vốn khác của chủ sở hữu		7.389.630.601	7.389.630.601
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển		24.957.109.862	24.957.109.862
421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(16.044.773.506)	(28.135.008.696)
421a		<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		<i>(28.135.008.696)</i>	<i>(4.480.265.556)</i>
421b		<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>12.090.235.190</i>	<i>(23.654.743.140)</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			472.864.200.487	472.864.200.487

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	215.211.722.481	332.861.968.429
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		215.211.722.481	332.861.968.429
11	4.	Giá vốn hàng bán	22	172.030.744.135	314.926.433.341
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.180.978.346	17.935.535.088
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	23	26.459.542	59.393.678
22	7.	Chi phí tài chính	24	7.331.573.054	11.653.252.143
23		<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>7.331.573.054</i>	<i>11.300.473.942</i>
25	9.	Chi phí bán hàng	25	3.184.186.346	4.648.739.176
26	10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22.018.984.632	25.382.553.649
30	11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.672.693.856	(23.689.616.202)
31	12.	Thu nhập khác	27	5.485.175.106	4.748.463.632
32	13.	Chi phí khác	28	129.588.046	3.053.841.966
40	14.	Lợi nhuận khác		5.355.587.060	1.694.621.666
50	15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.028.280.916	(21.994.994.536)
51	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	3.938.045.726	1.659.748.604
52	17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.090.235.190	(23.654.743.140)
61	19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		12.090.235.190	(23.654.743.140)
62	20.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	838	(1640)

2. Báo cáo Tài chính của Công ty mẹ

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 1, Lê Phụng Hiểu, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của công ty kiểm toán, báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Công ty mẹ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CÔNG TY MẸ (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		279.789.007.547	280.632.452.817
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.458.752.540	1.897.183.593
111	1.	Tiền		458.752.540	1.897.183.593
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		163.226.692.892	162.282.596.967
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	162.405.861.360	158.004.587.224
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.653.267.437	9.640.894.733
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	7	11.861.051.798	11.959.509.264
137	4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(23.693.487.703)	(17.322.394.254)
140	IV.	Hàng tồn kho	9	101.601.812.826	115.992.885.468
141	1.	Hàng tồn kho		101.601.812.826	115.992.885.468
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác		1.501.749.289	459.786.789
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	12	29.672.663	57.031.238
152	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.472.076.626	402.755.551
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15		
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		49.445.066.578	54.337.876.139
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn		388.315.000	437.305.464
216	1.	Phải thu dài hạn khác	7	388.315.000	437.305.464
220	II.	Tài sản cố định		15.226.615.709	19.819.411.745
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	15.226.615.709	19.819.411.745
222	-	Nguyên giá		99.567.329.600	115.502.798.108
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(84.340.713.891)	(95.683.386.363)
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	10		
242	2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	V.	Đầu tư tài chính dài hạn	4	33.353.821.658	33.353.821.658
251	1.	Đầu tư vào công ty con		47.243.530.000	47.243.530.000
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.185.000.000	1.185.000.000
254	2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(15.074.708.342)	(15.074.708.342)
260	VI.	Tài sản dài hạn khác		476.314.211	727.337.272
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	12	476.314.211	727.337.272
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN			329.234.074.125	334.970.328.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		151.100.790.588	168.824.516.904
310	I.	Nợ ngắn hạn		151.100.790.588	168.824.516.904
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	13	39.811.226.302	31.252.077.371
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	56.579.861.362	30.505.895.175
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.014.450.906	2.079.242.836
314	4.	Phải trả người lao động		4.750.450.447	5.415.825.068
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.209.012.774	2.309.116.014
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	17	13.402.775.603	15.714.702.371
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	30.333.013.194	81.547.658.069
330	II.	Nợ dài hạn			
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18		
342	2	Dự phòng phải trả dài hạn			
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		178.133.283.537	166.145.812.052
410	I.	Vốn chủ sở hữu	19	178.133.283.537	166.145.812.052
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		144.235.360.000	144.235.360.000
411a		<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>144.235.360.000</i>	<i>144.235.360.000</i>
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		15.704.407.780	15.704.407.780
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển		24.059.867.940	24.059.867.940
421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		((5.866.352.183))	(17.853.823.668)
421a		<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>17.853.823.668</i>	<i>2.733.805.641</i>
421b		<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>(11.987.471.485)</i>	<i>(20.587.629.309)</i>
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		329.234.074.125	349.460.037.298

